TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST Ngày 06-06-2024 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Tô Thị Lành
Ông Nguyễn Bá Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 839/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A đường L, tổ B phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thiện K, sinh năm 1969; địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ A phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ tạm trú: Tổ E phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-05-2023; bản tự khai ngày 16-11-2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thiện K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 18-04-2013. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Thiện K hạnh phúc. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải, động viên để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau được khoảng hơn 05 năm nay, không ai còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Thiện K.

Về nuôi con chung: Bà và ông Nguyễn Thiện K có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 23-10-1996 và cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 14-01-2002. Hiện nay cả hai cháu đều trưởng thành và tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H trình bày, ông Nguyễn Thiện K không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên vắng nhà, một mình bà lo toan chăm sóc con cái, bà có khuyên nhủ nhưng ông không nghe, cho nên kể từ năm 2017 bà và ông K đã sống ly thân cho đến nay không còn liên lạc với nhau. Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thiện K.

2. Tại bản tự khai đề ngày 15-12-2023 của ông Nguyễn Thiện K trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị H; về thời gian, nơi đăng ký kết hôn; mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống cũng như thời gian ông và bà H sống ly thân, nay bà H yêu cầu ly hôn ông thì ông đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Ông và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 23-10-1996 và cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 14-01-2002. Hiện nay cả hai cháu đều trưởng thành và tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. *Quá trình giải quyết vụ án*, ông Nguyễn Thiện K có đơn đề nghị vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đề ngày 02-05-2024 và ngày 20-05-2024 ông Nguyễn Thiện K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông trình bày vì hiện nay ông và bà Nguyễn Thị H sống ly thân với nhau đã nhiều năm qua không còn quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông vẫn giữ nguyên ý kiến là chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Về con chung ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vì cả hai con đều đã trưởng thành như trong lời trình bày của bà Nguyễn Thị H. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn thực hiện chưa đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thiện K.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thiện K có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 23-10-1996 và cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 14-01-2002. Hiện nay cả hai cháu đều trưởng thành và tự lập nên bà không yêu cầu giải quyết, do đó không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố Tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với ông Nguyễn Thiện K, có nơi cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thiện K có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thiện K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 18-04-2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thiện K là hợp pháp.

[4] Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thiện K hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình hai bên tổ chức hòa giải, động viên để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay vẫn sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau, cả hai tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thiện K có đơn

xin vắng mặt các phiên họp, phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay đều trình bày đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Do đó, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thiện K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Thiện K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thiện K có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 23-10-1996 và cháu Nguyễn Hoài T, sinh ngày 14-01-2002. Hiện nay cả hai đều trưởng thành và tự lập nên bà H, ông K không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Nguyễn Thiện K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Nguyễn Thiện K.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001046 ngày 07-07-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Phù Đổng, TP.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tồn